

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/DS-ST

Ngày: 17 – 3 – 2025

V/v tranh chấp
đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Quang Vinh;
- Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Trà My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn S, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Phạm Phú Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người làm chứng:* Võ Thúy H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

*** Theo đơn khởi kiện, ông S trình bày:**

Vào ngày 18/01/2024, ông Nguyễn Văn S và ông Phạm Phú Q là chỗ quen biết, do tin tưởng nên ông S có nhờ ông Q làm thủ tục vay vốn ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng.

Sau đó, ông Q hỏi vay ông S số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng,

thỏa thuận ông Q trả lãi suất hàng tháng và khi nào ông Q không trả lãi thì ông Q có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông S số tiền 30.000.000 đồng như thỏa thuận.

Từ ngày vay đến nay đã hơn 10 tháng mà ông Q không trả lãi cho ông S. Mặc dù ông S nhiều lần điện thoại và gặp trực tiếp ông Q nhưng ông Q chỉ hứa và cố tình tránh né, không thực hiện trả nợ.

Theo đơn khởi kiện, ông S yêu cầu ông Q trả tiền vay gốc còn nợ là 30.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 18/01/2024 đến ngày 26/11/2024 là 10 tháng với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền lãi là 4.980.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 34.980.000 đồng; Và yêu cầu tiếp tục trả lãi từ ngày 27/11/2024 đến khi ông Q trả xong nợ.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông S trình bày:*

Vào ngày 18/01/2024, ông Nguyễn Văn S có vay của bà Võ Thúy H được số tiền là 150.000.000 đồng. Cùng ngày, để có tiền đóng lãi cho bà H thì giữa ông S và ông Phạm Phú Q thỏa thuận ông S giao cho ông Q số tiền 30.000.000 đồng để ông Q cho người khác vay giúp ông S để ông S lấy tiền lãi 1.000.000 đồng/tháng (tương ứng lãi suất 3%/tháng) đóng lãi cho bà H. Đến khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2024 thì ông Q có giao ông S số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Ngoài ra, từ ngày 18/01/2024 đến nay thì ông Q không có giao cho ông S số tiền lãi nào khác, và cũng không trả lại tiền gốc 30.000.000 đồng cho ông S.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông S thay đổi yêu cầu là yêu cầu ông Q trả cho ông S số tiền gốc là 30.000.000 đồng mà ông S đã giao cho ông Q để ông Q cho người khác vay giúp ông S.

* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Phạm Phú Q đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Q không có văn bản ghi ý kiến về việc ông S yêu cầu trả lại số tiền 30.000.000 đồng đã nhận, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Q có trách nhiệm trả cho ông S số tiền là 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về tố tụng:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu ông Nguyễn Phú Q1 trả lại số tiền mà ông S đã giao cho ông Q1 để ông Q1 cho người khác vay giùm ông S và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 158, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Phạm Phú Q có địa chỉ tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phạm Phú Q được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu ông Phạm Phú Q có trách nhiệm trả tiền số tiền 30.000.000 đồng.

Căn cứ Biên nhận ngày 18/01/2024 có nội dung như sau:

“Tôi tên: Nguyễn Văn S 1961”

“Căn cước công dân số:” ...

“Cấp ngày” ...

“Tôi có thể chấp sổ nhà và đất Thừa đất 76 Tờ bản đồ 81 DT Đất ở 166,4m² Đất ở nông thôn

địa chỉ xã B huyện T Đ.T

Thuế chấp với hình thức sang nhượng có thời hạn rồi chuộc lại số tiền 150.000.000 đ (một trăm năm chục triệu)

Theo qui định bên cho vay 1 tháng tôi phải đóng 5 triệu (năm triệu) nhưng nhờ cháu Q lấy 30.000.000 đ (Ba chục triệu) đưa ra bên ngoài nhằm mục đích giảm lãi còn 4 triệu (Bốn triệu) hàng tháng.

Nếu hàng tháng tôi không tròn trách nhiệm điện không nghe máy. nhắn tin không trả lời thì chị Võ Thị H1 được quyền sang nhượng thu hồi vốn tôi và vợ tôi và các con không có quyền khiếu nại

Tất cả lời nói trên là do tôi tự nguyện nếu tôi làm sai thì chịu trách nhiệm trước pháp luật

Sau này tôi có chuộc lại sổ đỏ tôi chỉ đưa 120.000.000 đ (một trăm hai chục) còn lại 30.000.000 nhờ cháu Q lấy ~~trả cho tôi 30.000~~ bên ngoài dùng để đủ số tiền tôi vay của bà H1 đủ là 150.000.000 đ (một trăm năm chục triệu) trả lại cho bà tôi lấy sổ đỏ ra.

Bình Thành ngày 18/01/2024”

(Chữ ký và chữ viết họ tên ông Nguyễn Văn S tại mục người vay, chữ ký và chữ viết họ tên ông Phạm Phú Q tại mục người đúp tôi giảm lãi)

“Từ đây về sau tôi Q không còn trách nhiệm nữa. có tranh chấp khiếu nại thì chủ S tự giải quyết đến khi lấy số đo tôi xe gom 30.000 đ (triệu) đưa lại cho chủ S đúng thời hạn

Xác nhận

Khai trên là đúng sự thật”

(có chữ ký nhưng không ghi rõ họ tên)

Căn cứ Biên nhận ngày 18/01/2024 với nội dung nêu trên thì vào ngày 18/01/2024, ông Nguyễn Văn S có giao cho ông Phạm Phú Q số tiền 30.000.000 đồng để ông Q cho người khác vay giúp ông S để ông S lấy tiền lãi là 1.000.000 đồng/tháng trả một phần tiền lãi trong số tiền lãi là 5.000.000 đồng mà ông S phải trả lãi tiền vay 150.000.000 đồng cho bà Võ Thúy H.

Quá trình thực hiện thỏa thuận giữa ông S và ông Q nêu trên thì ông Q không thực hiện đúng như thỏa thuận về giao tiền lãi vay 1.000.000 đồng của người vay cho ông S. Cụ thể là từ sau khi ông Q nhận của ông S số tiền 30.000.000 đồng ngày 18/01/2024 cho đến nay, ông Q chỉ giao được cho ông S số tiền lãi người vay trả là 1.000.000 đồng. Về tiền gốc 30.000.000 đồng thì ông Q không trả lại cho ông S được khoản nào.

Tại phiên tòa, ông S yêu cầu ông Q có trách nhiệm trả số tiền gốc 30.000.000 đồng, như phân tích nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với ông Phạm Phú Q, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa ông Q đều không có ý kiến phản bác, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cho nên ông Q đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Nên ông Q có trách nhiệm trả cho ông S số tiền đã nhận nêu trên là 30.000.000 đồng.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S nên ông Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 158 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

Buộc ông Phạm Phú Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc ông Phạm Phú Q chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vinh – Phạm Văn Liệt

Trần Xuân Nữ

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ

